

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TP HÀ NỘI

Số: 4268/QĐ-CT-TKT9-XPVPHC.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xử phạt vi phạm hành chính

CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ

Căn cứ Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ các Luật thuế, Pháp luật về Phí, Lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính, Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số 1836/QĐ-BTC ngày 08/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục thuế trực thuộc Tổng cục Thuế;

Căn cứ nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về thuế;

Căn cứ Biên bản kiểm tra thuế ký ngày 02/10/2020 giữa đoàn kiểm tra và Công ty cổ phần Vinafcó, mã số thuế: 0100108504, theo Quyết định số 73012/QĐ-CT-TKT9 ngày 06/08/2020 của Cục trưởng Cục thuế TP Hà Nội về việc kiểm tra thuế tại Công ty cổ phần Vinafcó.

Căn cứ Quyết định số 98008/QĐ-CT ngày 31/12/2019 của Cục trưởng Cục thuế thành phố Hà Nội về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính;

Tôi: Nguyễn Văn Hồ;

Chức vụ: Phó cục trưởng, Cục thuế TP Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử lý vi phạm hành chính đối với tổ chức có tên sau đây:

1. Công ty cổ phần Vinafcó

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Tự Khoát, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, TP Hà Nội.

Mã số thuế: 0100108504.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100108504 do sở kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/02/2001, thay đổi lần thứ 27 ngày 25/08/2016.

Người đại diện theo pháp luật: Bà: Phạm Thị Lan Hương. Giới tính: Nữ.

Chức danh: Giám đốc công ty.



2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính:

- Khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn, tăng số thuế được miễn, giảm nhưng người nộp thuế đã ghi chép kịp thời, đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế làm phát sinh nghĩa vụ thuế trên sổ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 10 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính Phủ.

- Khai sai thuế GTGT theo quy định tại Khoản 4, Điều 6 Nghị định 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính Phủ.

- Lập hóa đơn bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ chưa đúng thời điểm vi phạm quy định tại Khoản 3, Điều 15, Chương 3 Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/05/2010 của Chính phủ.

3. Các tình tiết tăng nặng: Không có.

4. Các tình tiết giảm nhẹ: Không có.

5. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền đối với hành vi, cụ thể:

- Tiền phạt khai sai mức 20% trên số thuế tăng thêm qua kiểm tra theo quy định tại Khoản 33, Điều 1, Luật số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Khoản 2, Điều 10 Nghị định 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ do đơn vị có hành vi kê khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp, số tiền: 5.234.390 đồng(TM 4254).

- Phạt mức 2.100.000 đồng theo quy định tại Khoản 4, Điều 6 Nghị định 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính Phủ do có hành vi khai sai thuế GTGT (Tiểu mục 4254)

- Phạt mức 6.000.000 đồng theo quy định tại Tiết a, Điểm 3, Điều 38, Chương 4 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/09/2013 của Chính phủ do có hành vi lập hóa đơn bán hàng hóa cung cấp dịch vụ chưa đúng thời điểm (Tiểu mục 4254).

Tổng cộng số tiền phạt: 13.334.390 đồng (Mười ba triệu ba trăm ba mươi tư nghìn ba trăm).

b) Hình thức xử phạt bổ sung: Không có.

c) Các biện pháp khắc phục hậu quả:

- Nộp đủ số tiền thuế GTGT (TM 1701) thiếu: 26.171.951 đồng (Năm 2017: 1.056.275 đồng, Năm 2018: 1.614.654 đồng, Năm 2019: 23.501.022 đồng).

- Nộp tiền chậm nộp tiền thuế GTGT (TM 4931): 3.896.588 đồng theo quy định tại khoản 32, Điều 1 Luật số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Điều 3 Luật thuế số 106/2016/QH13 ngày 06/04/2016 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT, Luật thuế TTĐB, Luật Quản lý thuế và Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ do có hành vi chậm nộp tiền thuế.

Số tiền chậm nộp tiền thuế nêu trên được tính đến hết ngày 02/10/2020. Yêu cầu Công ty cổ phần Vinafco tự tính và nộp số tiền chậm nộp tiền thuế kể từ ngày 03/10/2020 đến ngày nộp đủ số tiền thuế thiếu vào ngân sách Nhà nước.

Tổng số tiền thuế truy thu, tiền phạt và tiền chậm nộp là 43.402.929 đồng (Bốn mươi ba triệu bốn trăm linh hai nghìn chín trăm hai mươi chín đồng).

* Mọi chi phí tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do Công ty cổ phần Vinafco.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho Bà: Phạm Thị Lan Hương là người đại diện pháp luật cho tổ chức vi phạm có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Công ty cổ phần Vinafco phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà Công ty cổ phần Vinafco không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

Công ty cổ phần Vinafco phải nộp đủ số tiền truy thu, số tiền phạt, tiền phạt nộp chậm tại Điều 1 vào tài khoản số 7111 mở tại Kho bạc Nhà nước Hà Nội, cơ quan quản lý thu: Cục thuế TP Hà Nội trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định xử phạt.

Công ty cổ phần Vinafco có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Kho bạc Nhà nước TP Hà Nội để thu tiền phạt.

3. Gửi cho Phòng Thanh tra, kiểm tra số 9; Phòng Kế khai và kế toán thuế; Phòng Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế để tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3

- Lưu: Hồ sơ; VT; TKT9 (2). (7.4)

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH



Nguyễn Văn Hồ
PHÓ CỤC TRƯỞNG